

**CÔNG TY TNHH HẠT GIỐNG VÀ NÔNG SẢN TRƯỜNG AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HẠT GIỐNG VÀ NÔNG SẢN TRƯỜNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG AN SEEDS AND AGRICULTURAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301159823

**3. Ngày thành lập:** 29/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 60, phố Vũ Diệu, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng lúa                                                                                                                                           | 0111        |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                             | 0112        |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                        | 0113        |
| 4.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                                                                                | 0118        |
| 5.  | Trồng cây hàng năm khác<br>Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm<br>- Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm<br>- Trồng cây hàng năm khác còn lại | 0119        |
| 6.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                    | 0121        |
| 7.  | Trồng cây lâu năm khác                                                                                                                              | 0129        |
| 8.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                 | 0131        |
| 9.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                  | 0132        |
| 10. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                       | 0150(Chính) |
| 11. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                        | 0161        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                                                                         | 0162        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                     | 0163        |
| 14. | Xử lý hạt giống để nhân giống<br>Chi tiết: Sản xuất các loại giống cây trồng                                                                        | 0164        |
| 15. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                       | 1080        |
| 16. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                               | 4620        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt,<br>- Bán buôn thủy sản, Bán buôn rau sạch, quả sạch<br>- Bán buôn cà phê,<br>- Bán buôn chè,<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm khác<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng | 4632 |
| 18. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4633 |
| 19. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4721 |
| 20. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4722 |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4723 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653 |
| 23. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663 |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                           | 4669 |
| 25. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4711 |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4932 |
| 27. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |
| 28. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Dịch vụ nhà nghỉ, nhà khách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5510 |
| 29. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7214 |
| 30. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7490 |
| 31. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Ủy thác mua bán, xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                              | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ VĂN THẠO** Giới tính: **Nam**  
Chức danh: **Giám đốc**  
Sinh ngày: **20/02/1971** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**  
Số giấy chứng thực cá nhân: **125429846**  
Ngày cấp: **03/03/2016** Nơi cấp: **Công an tỉnh Bắc Ninh**  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 96, khu 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**  
Chỗ ở hiện tại: **Số 96, khu 5, đường Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam**

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh